



bàn shì chù

办事处

Noun · Office

Example Sentences

zhè shì gōng sī de bàn shì chù
这是公司的办事处。

This is the company's office.

wǒ míng tiān yào qù bàn shì chù bàn lǐ yè wù
我明天要去办事处办理业务。

I will go to the office tomorrow to handle some business.

bàn shì chù zài shì zhōng xīn jiāo tōng hěn fāng biàn
办事处在市中心，交通很方便。

The office is located in the city center, making transportation very convenient.

Trace each character, then write the word on your own.

办办办办办办办

事事事事事事事事

处处处处处处